

Số: 04/NQ-HĐND

Nghi Liên, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGHI LIÊN KHÓA XX KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ tờ trình số 236/TTr-UBND, ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND xã Nghi Liên về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến của các vị Đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã Nghi Liên năm 2023 như sau:

1. Phân thu ngân sách: 7.556 triệu đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu đồng)

Trong đó:

+ Thu thường xuyên: 5.856 triệu đồng

+ Thu đầu tư XD CB: 1.700 triệu đồng.

2. Phân chi ngân sách: 7.556 triệu đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: 1.700 triệu đồng

+ Chi thường xuyên: 5.722 triệu đồng

+ Chi dự phòng: 134 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Một số giải pháp chủ yếu triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2023

1. Về thu ngân sách:

Phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách được giao ở mức độ cao nhất, tạo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện hiệu quả Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn của cấp trên để triển khai kịp thời các khoản thuế, phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Chủ động nắm bắt chặt chẽ tiến độ thu ngân sách để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời.

Đẩy mạnh công tác khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư phát triển, kiểm tra đôn đốc thường xuyên các chủ đầu tư, các ban liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khai thác quỹ đất.

2. Về chi ngân sách:

Chấp hành nghiêm Luật NSNN năm 2015, điều hành chi NSNN theo dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, minh bạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân bổ, giải ngân vốn đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

Tăng cường thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí, triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Ưu tiên nguồn thực hiện các chính sách an sinh - xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về An ninh - Quốc phòng.

Chủ động sử dụng kinh phí dự phòng và các nguồn lực hợp pháp khác để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Trường hợp thu không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi đã được bố trí dự toán.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các ban ngành theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ban ngành thực hiện ngay từ đầu năm dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị, trong quá trình điều hành ngân sách nếu có những phát sinh cần giải quyết, Ủy ban nhân dân xã trình Thường trực HĐND xã để thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giám sát việc thực hiện:

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban kinh tế - xã hội, các ban, đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước xã năm 2023 trên các lĩnh vực.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Nghi Liên khóa XX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận :

- Các ĐB HĐND xã;
- UBND xã, các ngành
- 10 cơ sở xóm;
- TT. HĐND Tp. Vinh;
- TT. Đảng ủy xã; TT UBMTTQ, các đoàn thể;
- Lưu : VP. HĐND-UBND.

Th/hiện



CHỦ TỊCH

Lê Thị Anh

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Thu địa bàn		Thu Xã hưởng	Ghi chú
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH	21,713,000,000	0	7,556,000,000	
	Thu thường xuyên	1,745,000,000	0	888,000,000	
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	575,000,000	0	575,000,000	0
1	Phí, lệ phí	55,000,000		55,000,000	
2	Thu địa bàn (Hoa lợi công sản, phạt...)	50,000,000		50,000,000	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (100%)	400,000,000		400,000,000	
4	Thu khác (Gồm thu phạt)	70,000,000		70,000,000	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1,170,000,000	0	313,000,000	
1	Thuế thu nhập cá nhân (0.6%)	120,000,000		48,000,000	
2	Lệ phí trước bạ nhà đất (30%)	800,000,000		240,000,000	
3	Thuế GTGT (0.2%)	250,000,000		25,000,000	
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,968,000,000	0	5,968,000,000	
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,968,000,000		5,968,000,000	
IV	Thu cấp quyền sử dụng đất	14,000,000,000	0	700,000,000	
1	Thu khai thác quỹ đất (5%)	14,000,000,000		700,000,000	
			Tiết kiệm 10%	Dự toán còn lại	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	7,556,000,000	133,800,000	7,422,200,000	
I	Chi đầu tư XDCB	1,700,000,000	0	1,700,000,000	
1	Chi đầu tư XDCB	700,000,000	0	700,000,000	
2	Chi đầu tư XDCB khác	1,000,000,000		1,000,000,000	
II	Chi thường xuyên	5,856,000,000	133,800,000	5,722,200,000	5,722,200,000
1	Chi sự nghiệp AN - QP	145,000,000	10,700,000	134,300,000	
	Chi an ninh trật tự (Cả phòng cháy chữa cháy)	50,000,000	5,000,000	45,000,000	
	Chi hoạt động quân sự	95,000,000	5,700,000	89,300,000	
2	Chi sự nghiệp GD-ĐT (cả phổ cập giáo dục)	20,000,000	2,000,000	18,000,000	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số	19,000,000	1,900,000	17,100,000	
	Chi kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt nam 27/2	9,000,000	900,000	8,100,000	
	Chi sự nghiệp dân số	10,000,000	1,000,000	9,000,000	
4	Chi sự nghiệp văn hoá -TDTT	155,000,000	15,500,000	139,500,000	
	Chi hỗ trợ 5,000,000 đ/khu dân cư	50,000,000		50,000,000	
	Chi văn hoá - TT (Cả KP hưởng ước theo QĐ 22/2018)	65,000,000	6,500,000	58,500,000	
	Chi hoạt động thể thao	40,000,000	4,000,000	36,000,000	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	275,000,000	27,500,000	247,500,000	
	Sự nghiệp nông nghiệp, giao thông- thủy lợi	110,000,000	11,000,000	99,000,000	
	Đội quy tắc đô thị, thú y	45,000,000	4,500,000	40,500,000	
	Chi sự nghiệp khác (PC dịch bệnh và VSATTP)	120,000,000	12,000,000	108,000,000	
7	Chi đảm bảo xã hội	216,500,000		216,500,000	
	Chi hưu xã+BHYT	115,000,000		115,000,000	
	Chi hoạt động an sinh xã hội (kể cả chúc thọ, mừng thọ; QLHSĐTCS và tặng quà: 10trđ)	101,500,000		101,500,000	
8	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	4,891,500,000	76,200,000	4,815,300,000	
8.1	Quản lý nhà nước, Hội đồng nhân dân	4,378,000,000	41,500,000	4,336,500,000	
	Chi lương, PC, các khoản nộp theo lương, BH	3,285,000,000	-	3,285,000,000	
	Chi lương công chức	1,940,000,000		1,940,000,000	
	Chi lương cán bộ không chuyên trách cấp Xã	245,000,000		245,000,000	
	Chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách xóm	536,000,000		536,000,000	

	Chi PC UVTV Xã, CSBV trẻ em, CTP, bồi dưỡng cb khối	284,000,000		284,000,000
	Chi cán bộ rà soát đầu mối TTHC, trực 1 cửa, PC hội đặc thù	60,000,000		60,000,000
	Chi hợp đồng BV, quy tắc, Đ.chính, nhà bia, T.thanh	220,000,000		220,000,000
	Chi hoạt động QLNN	985,000,000	35,500,000	949,500,000
	Chi BHXH, BHYT, KPCĐ cán bộ	175,000,000		175,000,000
	Chi mua VPP, tài liệu chuyên môn	46,000,000	4,600,000	41,400,000
	Chi sửa chữa máy tính, mực máy pô tô, máy in	52,000,000	5,200,000	46,800,000
	Chi cước internet, tiền điện, tiền nước	70,000,000	7,000,000	63,000,000
	Chi các hội thi thành phố tổ chức	20,000,000	2,000,000	18,000,000
	Chi kinh phí hỗ trợ CCHC	20,000,000	2,000,000	18,000,000
	Chi khen thưởng	45,000,000		45,000,000
	Chi làm việc ngoài giờ	30,000,000		30,000,000
	Chi tủ sách PL, tuyên truyền PBPL, hoà giải cs...	30,000,000	3,000,000	27,000,000
	Chi hội nghị, T. kết, T.huấn, ATQP, P.chống BLGD	20,000,000	2,000,000	18,000,000
	Chi hỗ trợ khác	20,000,000	2,000,000	18,000,000
	Chi tiếp khách	42,000,000	4,200,000	37,800,000
	Chi ngày lễ tết	80,000,000		80,000,000
	Chi hoa chúc mừng ngày lễ, trực tết	20,000,000	2,000,000	18,000,000
	Chi mua xe ô tô đội quy tắc	300,000,000		300,000,000
	Chi sửa chữa nhỏ, mua sắm công cụ, dụng cụ	15,000,000	1,500,000	13,500,000
	Chi kinh phí HĐND	108,000,000	6,000,000	102,000,000
8.2	Chi hoạt động Đảng	200,500,000	10,000,000	190,500,000
	<i>Trong đó: Chi báo chí</i>	<i>20,000,000</i>	<i>2,000,000</i>	<i>18,000,000</i>
	<i>Chi hoạt động</i>	<i>80,000,000</i>	<i>8,000,000</i>	<i>72,000,000</i>
	<i>Phụ cấp cấp uỷ và KP dân vận</i>	<i>100,500,000</i>		<i>100,500,000</i>
8.3	Chi hoạt động MTTQ (Cả KP TT 121/2017)	75,000,000	7,500,000	67,500,000
8.4	Chi hoạt động thanh tra nhân dân	6,000,000	600,000	5,400,000
8.5	Chi hoạt động Đoàn xã	19,000,000	1,900,000	17,100,000
8.7	Chi H. động Hội L.hiệp Thanh niên, Đ.Đội, T. Niên	4,000,000	400,000	3,600,000
8.8	Chi hoạt động hội nông dân	19,000,000	1,900,000	17,100,000
8.11	(Đại hội nông dân)	25,000,000		25,000,000
8.9	Chi hỗ trợ quỹ nông dân nộp lên TP	15,000,000		15,000,000
8.10	Chi hoạt động hội CCB	19,000,000	1,900,000	17,100,000
8.12	Chi hoạt động hội phụ nữ	19,000,000	1,900,000	17,100,000
8.13	Chi hoạt động của các hội	112,000,000	8,600,000	103,400,000
	Chi hoạt động hội NCT	15,000,000	1,500,000	13,500,000
	Chi hỗ trợ hội nạn nhân CĐ đa cam(Đại hội)	17,000,000	1,200,000	15,800,000
	Chi hoạt động hội giáo chức(Đại hội)	11,000,000	600,000	10,400,000
	Chi hỗ trợ hoạt động hội Chữ thập đỏ, hội bảo trợ trẻ em	12,000,000	1,200,000	10,800,000
	Chi hỗ trợ hoạt động hội cựu TNXP	12,000,000	1,200,000	10,800,000
	Chi hoạt động hội Trường sơn (Đại hội)	11,000,000	600,000	10,400,000
	Chi hoạt động hội khuyến học	12,000,000	1,200,000	10,800,000
	Chi hỗ trợ công đoàn(Đại hội)	17,000,000	600,000	16,400,000
	Chi hoạt động TT học tập CĐ	5,000,000	500,000	4,500,000
III	Dự phòng	134,000,000		134,000,000
	Chi chuyển nguồn	0	0	0